

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN SỐ 85/2008/QĐ-BNN**  
**NGÀY 06 THÁNG 8 NĂM 2008**  
**BAN HÀNH QUY CHẾ QUẢN LÝ SẢN XUẤT, KINH DOANH GIỐNG THỦY SẢN**

**BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

*Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03/01/2008 của Chính phủ quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;*

*Căn cứ Luật Thủy sản số 17/2003/QH11 ngày 26 tháng 11 năm 2003 của Quốc hội khoá 11;*

*Căn cứ Pháp lệnh giống vật nuôi số 16/2004/PL-UBTVQH11 và Pháp lệnh giống cây trồng số 15/2004/PL-UBTVQH11 ngày 24 tháng 3 năm 2004 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 11;*

*Căn cứ Nghị định số 59/2005/NĐ-CP ngày 04 tháng 5 năm 2005 của Chính phủ về điều kiện sản xuất, kinh doanh một số ngành nghề thủy sản;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Nuôi trồng thủy sản,*

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này: Quy chế quản lý sản xuất, kinh doanh giống thủy sản.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng, Thủ trưởng các Vụ, Cục, Thanh tra Bộ, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh và thành phố trực thuộc trung ương, Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**KT.BỘ TRƯỞNG**  
**THỨ TRƯỞNG**  
**Nguyễn Việt Thắng**

**QUY CHẾ**  
**QUẢN LÝ SẢN XUẤT, KINH DOANH GIỐNG THỦY SẢN**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 85/2008/QĐ-BNN ngày 06 tháng 8 năm 2008  
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

**Chương I**  
**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1.** Đối tượng, phạm vi áp dụng

1. Quy chế này thống nhất quản lý đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh giống thủy sản nuôi trồng.
2. Quy chế này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân hoạt động sản xuất, kinh doanh giống thủy sản trên lãnh thổ Việt Nam và các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan.

**Điều 2.** Giải thích từ ngữ

Trong quy chế này một số từ ngữ được hiểu như sau:

1. Giống thủy sản thương phẩm bao gồm giống động vật thủy sản, động vật lưỡng cư và giống thực vật thủy sản được sử dụng để nuôi trồng.
2. Sản xuất, kinh doanh giống thủy sản là các hoạt động nhân giống, ương nuôi, thuần dưỡng, vận chuyển, dịch vụ giống thủy sản thương phẩm.

**Chương II**  
**QUẢN LÝ SẢN XUẤT, KINH DOANH GIỐNG THỦY SẢN**

**Điều 3.** Điều kiện sản xuất, kinh doanh giống thủy sản

Tổ chức, cá nhân khi sản xuất, kinh doanh giống thủy sản phải có đủ các điều kiện theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 59/2005/NĐ-CP ngày 04/5/2005 của Chính phủ về điều kiện kinh doanh một số ngành nghề thủy sản, cụ thể như sau:

1. Có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh về giống thủy sản do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp (trừ trường hợp hộ gia đình ương nuôi, thuần dưỡng, làm dịch vụ giống thủy sản quy mô nhỏ, có thu nhập thấp thì không phải đăng ký kinh doanh theo quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định số 109/2004/NĐ-CP ngày 02/4/2004 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh và Khoản 3 Điều 2 của Nghị định 59/2005/NĐ-CP).
2. Địa điểm xây dựng cơ sở sản xuất, kinh doanh giống thủy sản phải theo quy hoạch của địa phương.
3. Quy mô và cơ sở vật chất kỹ thuật, các trang thiết bị kỹ thuật, hệ thống cấp và thoát nước, xử lý nước thải, phương tiện vận chuyển, lưu giữ của cơ sở phải đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh từng đối tượng và phẩm cấp giống thủy sản theo các Tiêu chuẩn Việt Nam, Tiêu chuẩn ngành đã quy định; phải đảm bảo điều kiện vệ sinh thú y thủy sản được cơ quan có thẩm quyền ở địa phương chứng nhận và phải đảm bảo các điều kiện về bảo vệ môi trường sinh thái theo quy định của pháp luật.
4. Có hồ sơ theo dõi quá trình sản xuất, kinh doanh giống:

Đối với cơ sở sinh sản nhân tạo cá giống phải có hồ sơ theo dõi lý lịch các cá thể trong đàn cá bố mẹ. Mỗi cá thể phải được đánh dấu bằng các cách như gắn chip, đeo số, cắt dấu trên vây, đánh số trên đầu,... có sổ ghi nguồn gốc đảm bảo chất lượng dòng thuần, thời gian tuyển chọn, trọng lượng, các đặc điểm, số lần tham gia sinh sản, kết quả đẻ trứng; chế độ nuôi vỗ (thức ăn và cách cho ăn, chế độ kích thích nước, khả năng phát dục qua các lần kiểm tra); kết quả sản xuất từng lô giống (số cá thể tham gia, trọng lượng, việc sử dụng kích dục tố, điều kiện môi trường khi cho đẻ, kết quả số lượng trứng và số lượng cá bột của mỗi lứa đẻ...).

Đối với cơ sở sinh sản nhân tạo tôm giống phải có hồ sơ theo dõi đàn tôm bố mẹ, xuất xứ rõ ràng, nhật ký chế độ chăm sóc và sử dụng thức ăn, tình hình sức khỏe và kiểm tra bệnh, sự phát dục trong quá trình nuôi dưỡng, điều kiện môi trường, kết quả cho đẻ từng lô.

Đối với cơ sở ương, dưỡng giống phải có ao, bể cách ly giống mới nhập về và nuôi cách ly 1-2 ngày để theo dõi bệnh và sức khỏe đàn giống đảm bảo không nhiễm bệnh trước khi đưa vào ương nuôi; có nhật ký theo dõi quá trình ương nuôi từng lô (thời gian ương, số lượng, chế độ chăm sóc, sử dụng thức ăn, tình hình phát triển, diễn biến thời tiết, các biểu hiện của giống ương, kiểm tra bệnh định kỳ, kết quả ương nuôi).

5. Cơ sở sản xuất, kinh doanh đàn giống bố mẹ, giống thương phẩm phải có nhân viên kỹ thuật có chứng chỉ đã được đào tạo về kỹ thuật sản xuất giống thủy sản hoặc nuôi trồng thủy sản;

6. Cơ sở sản xuất, kinh doanh đàn giống thuần chủng, đàn giống cụ kỵ, đàn giống ông bà phải có nhân viên kỹ thuật có văn bằng chứng nhận trình độ từ đại học trở lên về chuyên ngành nuôi trồng thủy sản hoặc ngành sinh học.

7. Cơ sở nhập khẩu giống thủy sản để kinh doanh phải có khu nuôi cách ly để theo dõi tình hình sức khỏe, dịch bệnh và có chứng nhận cơ sở đảm bảo điều kiện vệ sinh thú y thủy sản.

#### **Điều 4.** Thực hiện quy trình kỹ thuật bắt buộc áp dụng

Tổ chức, cá nhân kinh doanh giống thủy sản phải thực hiện quy trình kỹ thuật và đảm bảo vệ sinh thú y, bảo vệ môi trường nước theo quy định tại Thông tư 02/2006/TT-BTS ngày 20/3/2006 của Bộ Thủy sản hướng dẫn thực hiện Nghị định 59/2005/NĐ-CP và Quyết định số 21/2006/QĐ-BTS ngày 01/12/2006 của Bộ Thủy sản nay là Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn v/v ban hành Danh mục giống thủy sản phải áp dụng tiêu chuẩn ngành.

Đối với giống khai thác tự nhiên phải qua ương dưỡng, thuần hoá đạt kích cỡ thích hợp theo tiêu chuẩn ngành mới được đưa ra thị trường.

Việc sử dụng các loại thức ăn, thuốc thú y, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hoá chất trong sản xuất, kinh doanh giống thủy sản thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành.

#### **Điều 5.** Sử dụng đàn giống bố mẹ để sản xuất giống thương phẩm

1. Cơ sở thực hiện sinh sản nhân tạo giống cá tra, sản xuất rô phi đơn tính phải sử dụng đàn bố mẹ đảm bảo chất lượng theo Tiêu chuẩn ngành, có chứng nhận xuất xứ dòng thuần được tiếp nhận từ các Trung tâm giống thủy sản (của Viện nghiên cứu hoặc của tỉnh) hoặc từ cơ sở có đăng ký kinh doanh đàn giống thuần chủng, đàn giống ông bà, đàn giống bố mẹ; mỗi cá thể sử dụng cho sinh sản không quá 2 lần trong một năm đối với cá tra và không quá 5 lần đối với cá rô phi.

2. Cơ sở thực hiện sinh sản nhân tạo tôm sú chỉ sử dụng đàn tôm bố mẹ cho sinh sản nhân tạo không quá 3 lần/cá thể; nếu đàn tôm bố mẹ thu gom từ khai thác tự nhiên phải có

chứng nhận kiểm dịch; trường hợp sử dụng đàn bố mẹ nhập khẩu phải có chứng nhận nguồn gốc, có chứng nhận kiểm dịch.

3. Cơ sở thực hiện sinh sản nhân tạo tôm chân trắng phải sử dụng đàn bố mẹ có chứng nhận dòng sạch bệnh (dòng SPF – Specific Pathogen Free) hoặc dòng kháng bệnh (dòng SPR - Specific Pathogen Resistant) và có chứng nhận kiểm dịch và tuân thủ các quy định về quy mô, nơi sản xuất, kiểm dịch giống khi xuất trại theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

#### **Điều 6. Công bố chất lượng giống thủy sản**

1. Mỗi lô giống thủy sản thương phẩm thuộc các đối tượng nuôi chủ lực dưới đây khi đưa ra thị trường bắt buộc phải thực hiện công bố chất lượng:

a) Giáp xác nuôi nước lợ - mặn: tôm sú (*Penaeus monodon*), tôm chân trắng (*Penaeus vannamei*);

b) Cá biển: cá chẽm (*Lates calcarifer*), các loài cá song (*Epinephelus* sp), cá giò (*Rachycentron canadum*);

c) Nhuyễn thể: nghêu Bến Tre (*Meretrix meretrix*);

d) Thủy sản nuôi nước ngọt: cá tra (*Pangasius hypophthalmus*), cá basa (*Pangasius bocourti*), rô phi vằn (*Oreochromis niloticus*), tôm càng xanh (*Macrobrachium rosenbergii*).

2. Các đối tượng giống thủy sản khác khi đưa ra thị trường được khuyến khích thực hiện công bố chất lượng.

3. Nội dung công bố chất lượng giống thủy sản được thực hiện theo Quyết định số 03/2007/QĐ-BNN ngày 19/01/2007 của Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn V/v ban hành "Quy định về công bố tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, hàng hoá đặc thù chuyên ngành nông nghiệp", cụ thể như sau:

a) Tiêu chuẩn chất lượng giống thủy sản được công bố bao gồm: Tiêu chuẩn Việt Nam, Tiêu chuẩn Ngành đã ban hành trước ngày 31/12/2006, Tiêu chuẩn quốc tế hoặc khu vực, Tiêu chuẩn nước ngoài được cơ sở áp dụng đối với sản xuất giống của mình, Tiêu chuẩn cơ sở do cơ sở tự xây dựng.

b) Tổ chức, cá nhân công bố chất lượng giống thủy sản phải có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

c) Hồ sơ công bố chất lượng lập thành 2 bộ, mỗi bộ gồm:

- Bản công bố tiêu chuẩn chất lượng giống thủy sản.

- Tiêu chuẩn chất lượng giống công bố kèm theo quyết định ban hành (bản sao được chứng thực từ bản chính).

Trường hợp công bố theo tiêu chuẩn Việt Nam, tiêu chuẩn ngành đã ban hành trước ngày 31/12/2006 thì không cần kèm theo tiêu chuẩn.

Trường hợp công bố theo tiêu chuẩn cơ sở, tiêu chuẩn nước ngoài phải kèm theo tiêu chuẩn và quyết định ban hành (bản chính hoặc bản sao được chứng thực từ bản chính).

- Nhân hàng hóa kèm theo (bản chính).

d) Trình tự thực hiện công bố chất lượng:

- Cơ sở kinh doanh giống thủy sản nộp hồ sơ công bố chất lượng giống cho Chi cục Thủy sản hoặc Chi cục Nuôi trồng thủy sản (gọi chung là Chi cục Thủy sản) thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính để kiểm tra và cấp phiếu tiếp nhận;

- Chi cục Thủy sản tiếp nhận hồ sơ, viết biên nhận; trong thời gian 5 ngày làm việc Chi cục Thủy sản kiểm tra tính phù hợp của tiêu chuẩn, hướng dẫn bổ sung những phần còn thiếu, khi hồ sơ hợp lệ trong thời gian 10 ngày làm việc Chi cục xác nhận công bố chất lượng giống thủy sản (Mẫu bản công bố tiêu chuẩn chất lượng theo Phụ lục 1; Mẫu bản tiếp nhận công bố tiêu chuẩn theo Phụ lục 2).

- Khi cơ sở thay đổi các chỉ tiêu chất lượng giống thủy sản phải làm thủ tục công bố lại chất lượng giống;

- Cơ sở không phải nộp lệ phí cho việc công bố tiêu chuẩn.

### **Điều 7. Ghi nhãn hàng hoá**

Các đối tượng giống thủy sản được nêu tại khoản 1 thuộc Điều 6 của quy chế này khi lưu thông bắt buộc phải ghi nhãn hàng hoá.

Nội dung ghi nhãn cho các lô giống thủy sản thực hiện theo Nghị định số 89/2006/NĐ-CP ngày 30/8/2006 của Chính phủ về Nhãn hàng hoá và Thông tư số 09/2007/TT-BKHHCN ngày 06/4/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 89/2006/NĐ-CP về Nhãn hàng hoá, phải đủ các nội dung sau:

1. Tên đối tượng giống thủy sản (kèm tên khoa học);
2. Tên và địa chỉ tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm về giống thủy sản;
3. Xuất xứ giống (đối với giống sản xuất tại Việt Nam để lưu thông trong nước, đã ghi địa chỉ của nơi sản xuất ra giống đó thì không bắt buộc phải ghi xuất xứ giống);
4. Định lượng (số lượng giống);
5. Số ngày tuổi, hoặc kích cỡ chiều dài con giống, nếu là giống bố mẹ thì ghi rõ khối lượng, giai đoạn phát dục;
6. Ngày sản xuất (ngày xuất xưởng hoặc ngày xuất bán);
7. Hạn sử dụng;
8. Hướng dẫn sử dụng, vận chuyển, hướng dẫn bảo quản.

### **Điều 8. Đối tượng và loại bệnh bắt buộc phải kiểm dịch giống**

1. Giống tôm sú, giống tôm thẻ chân trắng khi đưa ra thị trường bắt buộc phải kiểm dịch không có mầm các loại bệnh nguy hiểm sau đây: bệnh đốm trắng (WSSV), bệnh đầu vàng (YHV), bệnh MBV, bệnh tauza.

2. Giống cá tra khi đưa ra thị trường bắt buộc phải kiểm dịch không nhiễm mầm bệnh nguy hiểm là bệnh gan thận mù và trắng mang gây chết cá hàng loạt do vi khuẩn *edwardsiella tarda*.

3. Giống tôm hùm khi đưa ra thị trường bắt buộc phải kiểm dịch bệnh đen mang, bệnh đỏ thân, triệu chứng bệnh tôm sữa.

4. Các đối tượng giống thủy sản thương phẩm khác được nêu trong khoản 1 Điều 6 của quy chế này khi đưa ra thị trường phải được kiểm dịch theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, có phiếu kiểm dịch của cơ quan thú y có thẩm quyền ở nơi sản xuất.

5. Tất cả các loài thủy sản sống nhập khẩu (kể cả làm thực phẩm) đều phải kiểm dịch bắt buộc.

## **Điều 9.** Thực hiện kiểm dịch và xử lý khi phát hiện bệnh

1. Việc kiểm dịch giống thủy sản do cơ quan thú y thực hiện theo Quy định được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BNN ngày 08/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Ban hành Quy định về quy trình, thủ tục kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật; kiểm tra vệ sinh thú y.

2. Nội dung kiểm dịch giống thủy sản theo quy định của Nghị định số 33/2005/NĐ-CP ngày 15/3/2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh thú y và các quy định khác của pháp luật hiện hành.

a) Yêu cầu quản lý kiểm dịch đối với các đối tượng giống thủy sản được nêu tại khoản 1 Điều 6 của quy chế này được quy định như sau:

- Trước khi đưa ra khỏi trại sản xuất giống, cơ sở phải khai báo và gửi hồ sơ kiểm dịch theo mẫu đến cơ quan quản lý thú y ở địa phương để kiểm dịch và cấp phiếu kiểm dịch cho lô giống đó; giống lưu thông không có phiếu kiểm dịch buộc phải tiêu hủy.

- Khi kiểm dịch phát hiện lô giống có tỷ lệ cảm nhiễm bệnh vượt mức cho phép theo quy định đối với từng loại bệnh thì cơ quan kiểm dịch yêu cầu và hướng dẫn chủ cơ sở thực hiện tiêu hủy ngay toàn bộ lô giống đó, khử trùng cơ sở sản xuất.

- Trường hợp người mua giống tự đến cơ sở lấy mẫu để kiểm tra bệnh trước khi mua thông qua các tổ chức, cá nhân đủ năng lực kiểm tra bệnh bằng phương pháp tiên tiến (PCR,...) có kết quả lô giống đó bị nhiễm các bệnh được nêu trong khoản 1 và khoản 2 của Điều 8 quy chế này và thông báo lại thì cơ sở không được bán lô giống đã nhiễm bệnh đó, phải báo ngay cho cơ quan quản lý thú y địa phương hướng dẫn tiêu hủy toàn bộ và thực hiện khử trùng làm sạch khu vực trước khi tiếp tục sản xuất lô mới.

b) Đối với tất cả các loại giống thủy sản nhập khẩu phải làm thủ tục kiểm dịch qua cửa khẩu, phải nuôi cách ly trong một thời gian từ 1-2 ngày trở lên để theo dõi tình trạng sức khỏe và sự thích ứng với môi trường, sau khi đã có xác nhận của cơ quan kiểm dịch giống không bị nhiễm bệnh thì mới được đưa vào sản xuất.

## **Điều 10.** Xuất, nhập khẩu giống thủy sản

Việc xuất khẩu, nhập khẩu giống thủy sản được thực hiện theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTS ngày 08/9/2006 của Bộ trưởng Bộ Thủy sản nay là Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc Ban hành Quy chế quản lý nhập khẩu, xuất khẩu hàng hoá chuyên ngành thủy sản.

Đối với các trường hợp xuất khẩu, nhập khẩu giống thủy sản phải xin phép (những đối tượng chưa có trong Danh mục các giống thủy sản được phép nhập khẩu thông thường, kể cả thủy sản còn sống để làm thực phẩm), tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ xin cấp phép về Cục Nuôi trồng thủy sản - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để thẩm định hồ sơ và cấp phép.

- Trong thời hạn 5 ngày làm việc, Cục Nuôi trồng thủy sản có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ và thông báo kết quả cho cơ sở xin nhập khẩu, xuất khẩu, nêu rõ lý do, yêu cầu bổ sung nếu hồ sơ chưa đạt yêu cầu.

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Cục Nuôi trồng thủy sản cấp giấy phép nhập khẩu hoặc giấy phép xuất khẩu.

## **Điều 11.** Thu và sử dụng phí, lệ phí

Các hoạt động quản lý nhà nước về giống thủy sản và dịch vụ kiểm nghiệm chất lượng, kiểm dịch giống thủy sản được thu phí, lệ phí theo quy định của pháp luật hiện hành; mức thu

nộp được áp dụng theo Quyết định số 22/2006/QĐ-BTC ngày 04/04/2006 của Bộ Tài chính v/v quy định chế độ thu nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí quản lý chất lượng, an toàn vệ sinh thú y thủy sản.

### **Chương III** **THANH TRA, KIỂM TRA VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP**

#### **Điều 12.** Thanh tra, kiểm tra, giám sát sản xuất giống thủy sản

1. Mọi tổ chức, cá nhân kinh doanh giống thủy sản trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu sự thanh tra, kiểm tra và giám sát của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sở tại.

2. Cục Nuôi trồng thủy sản tổ chức chỉ đạo thống nhất công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định pháp luật đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh giống thủy sản; kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc và các Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về quy chế quản lý giống thủy sản; trực tiếp kiểm tra hoạt động của các cơ sở giống thủy sản thuộc trung ương và các cơ sở sản xuất, kinh doanh giống của tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam; trực tiếp kiểm tra hoặc phối hợp với các cơ quan nhà nước liên quan để thanh tra, kiểm tra hoạt động sản xuất kinh doanh giống thủy sản ở các địa phương.

3. Cục Nuôi trồng thủy sản hoặc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức thanh tra, kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất khi cần thiết.

#### **Điều 13.** Nội dung thanh tra, kiểm tra kinh doanh giống thủy sản

1. Thanh tra, kiểm tra những nội dung được cấp phép trong đăng ký sản xuất, kinh doanh với hoạt động thực tế mà tổ chức, cá nhân đó đang tiến hành, bao gồm:

- a) Điều kiện của cơ sở sản xuất, kinh doanh giống;
- b) Thực hiện quy trình kỹ thuật bắt buộc áp dụng
- c) Nguồn giống bố mẹ được dùng để sinh sản nhân tạo;
- d) Sử dụng đàn giống bố mẹ để sản xuất giống thương phẩm;
- e) Phương pháp sản xuất giống;
- f) Chất lượng giống được sản xuất;
- g) Lịch trình và thời vụ sản xuất;
- h) Phương thức và thiết bị vận chuyển giống;
- i) Nhãn mác giống, mã số nguồn giống hoặc tài liệu giới thiệu giống được công bố;
- k) Việc chấp hành các quy định về vệ sinh thú y, môi trường, kiểm dịch;

2. Ngoài các nội dung nói trên, còn kiểm tra các nội dung khác có liên quan với sản xuất giống khi có khiếu kiện của khách hàng.

## **Chương IV** **KHEN THƯỞNG, XỬ LÝ VI PHẠM, GIẢI QUYẾT** **KHIẾU NẠI TỔ CÁO**

### **Điều 14.** Khen thưởng và xử lý vi phạm:

1. Các tổ chức, cá nhân có thành tích trong hoạt động sản xuất, kinh doanh giống thủy sản sẽ được khen thưởng theo quy định hiện hành.
2. Khi thanh tra, kiểm tra nếu phát hiện những vi phạm cơ sở kinh doanh giống thủy sản sẽ xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành; mọi chi phí cho quá trình xử lý chủ hàng phải chịu trách nhiệm.
3. Đối với tổ chức, cá nhân thuộc cơ quan quản lý nhà nước vi phạm các quy định của pháp luật trong quản lý giống thủy sản, gây thiệt hại cho sản xuất thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo các quy định của pháp luật hiện hành.
4. Tổ chức, cá nhân có quyền khiếu nại, tố cáo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về những hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động quản lý và trong sản xuất, kinh doanh giống thủy sản theo quy định của pháp luật về khiếu nại tố cáo và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

## **Chương V** **TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC**

### **Điều 15.** Phân cấp quản lý:

1. Cục Nuôi trồng thủy sản có trách nhiệm:
  - a) Thực hiện quản lý nhà nước hoạt động sản xuất, kinh doanh giống thủy sản trên phạm vi cả nước.
  - b) Thẩm định hồ sơ, cấp phép nhập khẩu giống thủy sản mới để sản xuất, kinh doanh hoặc khảo nghiệm, thử nghiệm thay cho Cục Quản lý chất lượng, an toàn vệ sinh và thú y thủy sản (NAFIQAVED) trước đây.
  - c) Tổ chức kiểm tra, thanh tra, đánh giá việc thực hiện quy định quản lý đối với các khu sản xuất giống thủy sản tập trung.
  - d) Tổ chức kiểm tra và cấp chứng nhận cơ sở đảm bảo điều kiện sản xuất kinh doanh giống thủy sản.
  - e) Phối hợp với Cục Thú y trong việc chỉ đạo phòng chống dịch bệnh trong sản xuất kinh doanh giống thủy sản, kiểm tra và xác nhận cơ sở đảm bảo vệ sinh thú y thủy sản, kiểm dịch giống thủy sản.
  - f) Phối hợp với Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường, Cục quản lý chất lượng nông, lâm và thủy sản, các Cục, Vụ, Viện nghiên cứu trong ngành và các cơ quan nhà nước liên quan trong việc hướng dẫn, chỉ đạo hoạt động sản xuất, kinh doanh giống thủy sản bảo đảm các quy định.
2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm:
  - a) Thực hiện quản lý nhà nước về sản xuất, kinh doanh giống thủy sản trên phạm vi tỉnh, thành phố;



b) Cấp chứng nhận cho các cơ sở đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh giống thủy sản theo quy định;

c) Tổ chức kiểm tra, thanh tra việc thực hiện quy định quản lý đối với các cơ sở giống thủy sản trên địa bàn tỉnh, thành phố quản lý;

d) Định kỳ báo cáo với Cục Nuôi trồng thủy sản về công tác quản lý giống thủy sản trên địa bàn tỉnh, thành phố mỗi năm 2 lần vào tháng 4 và 11.

3. Cục Thú y có trách nhiệm kiểm tra vệ sinh thú y cơ sở sản xuất giống thủy sản và cấp chứng nhận đạt tiêu chuẩn vệ sinh thú y, tổ chức thực hiện kiểm dịch giống thủy sản, phối hợp với các cơ quan chức năng xử lý các tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh giống thủy sản vi phạm về thú y thủy sản.

4. Cơ quan quản lý nhà nước về nông nghiệp cấp huyện có trách nhiệm:

a) Quản lý nhà nước đối với sản xuất, kinh doanh giống thủy sản trên địa bàn đảm bảo các quy định của Điều 11 quy chế này.

b) Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức, hướng dẫn sản xuất theo mùa vụ và những quy định quản lý cộng đồng của địa phương, khi phát hiện có dịch bệnh phải xử lý ngay theo đúng sự hướng dẫn về phòng trừ dịch bệnh của cơ quan thú y thủy sản.

## **Chương VI** **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 16.** Cục trưởng Cục Nuôi trồng thủy sản, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong phạm vi và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm hướng dẫn thi hành Quy định này.

Trong quá trình thực hiện Quy chế, nếu có vướng mắc phản ánh về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét, giải quyết.

Nguyễn Việt Thắng – Đã ký

**Phụ lục 1****MẪU BẢN CÔNG BỐ TIÊU CHUẨN**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 85/2008/QĐ-BNN ngày 06/8/2008  
của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

**CÔNG BỐ TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG GIỐNG THỦY SẢN**

Số .....

Doanh nghiệp: (Tên doanh nghiệp) .....

Địa chỉ : .....

Điện thoại: .....

Fax: .....

E-mail: .....

**CÔNG BỐ**

Tiêu chuẩn (số hiệu và tên tiêu chuẩn) .....

Áp dụng cho sản phẩm, hàng hóa (Tên, kiểu, loại, mã số hàng hóa) .....

Doanh nghiệp cam kết sản xuất, kinh doanh sản phẩm, hàng hóa theo đúng tiêu chuẩn công bố nêu trên.

....., ngày.... tháng.....năm.....

**Đại diện doanh nghiệp**

(tên, chức vụ)

**Phụ lục 2**

**MẪU BẢN TIẾP NHẬN CÔNG BỐ TIÊU CHUẨN**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 85/2008/QĐ-BNN ngày 06/8/2008  
 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

Sở Nông nghiệp và PTNT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

(tỉnh/ thành phố)Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày.....tháng.....năm .....

**BẢN TIẾP NHẬN CÔNG BỐ TIÊU CHUẨN**

Sở Nông nghiệp và PTNT (tỉnh/ thành phố) xác nhận đã tiếp nhận Bản công bố tiêu chuẩn của:

(tên doanh nghiệp) .....

(địa chỉ) .....

Cho (sản phẩm, hàng hóa): .....

Số, ký hiệu tiêu chuẩn tương ứng: .....

Bản tiếp nhận này chỉ ghi nhận sự công bố tiêu chuẩn sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp, không có giá trị chứng nhận sản phẩm, hàng hóa phù hợp với tiêu chuẩn.

....., ngày.... tháng..... năm.....

**GIÁM ĐỐC SỞ**

(ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

- Doanh nghiệp;

- Lưu hồ sơ

**Phụ lục 3**

**MẪU ĐƠN XIN XUẤT (NHẬP) KHẨU GIỐNG THỦY SẢN**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 85/2008/QĐ-BNN ngày 06/8/2008  
của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Địa danh), ngày.... tháng.... năm 200...

**ĐƠN XIN XUẤT/(NHẬP) KHẨU GIỐNG THỦY SẢN**

Kính gửi: Cục Nuôi trồng thủy sản.

- Căn cứ (ghi đầy đủ tên Điều ước quốc tế mà Việt nam đã ký kết hoặc gia nhập)
- Căn cứ vào Quy chế quản lý xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá chuyên ngành thủy sản Ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTS ngày 08 tháng 9 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Thủy sản;

Tên đơn vị đề nghị xuất khẩu:

Địa chỉ:

Tel:                      Fax:

Đề nghị Quý Cục xét duyệt và cấp phép xuất (nhập) khẩu:

1. Tên thương mại/tên khoa học loài thủy sản xin cấp phép xuất khẩu:
2. Tên cơ sở sản xuất:
3. Địa điểm sản xuất:
4. Tên, địa chỉ đơn vị nhập/(xuất) khẩu, nước nhập/(xuất) khẩu:
5. Mục đích nhập/(xuất) khẩu giống:
6. Số lượng dự kiến xuất/(nhập) khẩu:
7. Thời gian dự kiến xuất/(nhập) khẩu:
8. Địa điểm dự kiến xuất khẩu:

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

(Ký tên, đóng dấu)